

Bản án số: 13/2022/HN-ST

Ngày: 18-02-2022

*“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình
về ly hôn, nuôi con chung”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM - TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Nam

2. Bà Đoàn Lệ Hồng

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Diệu – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 02 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 262/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2021 về: *“Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2022/QĐXX-ST ngày 28 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Diễm A, sinh năm 1993; Địa chỉ thường trú: thôn A, xã I, huyện Easup, tỉnh Đắk Lắk; Chỗ ở hiện nay: 603B, ấp B, xã P, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Anh Võ Chí Th, sinh năm 1989; Địa chỉ thường trú: thôn A, xã I, huyện Easup, tỉnh Đắk Lắk; Chỗ ở hiện nay: ấp T, xã C, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Chị A có mặt, anh Th vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn đề ngày 08/10/2021, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, chị Trần Thị Diễm A trình bày:

1. Về hôn nhân: Chị xin ly hôn với anh Võ Chí Th. Lý do: Chị và anh Võ Chí Th do tìm hiểu tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2012, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã C cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 11/5/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng cùng sinh sống và phát triển kinh tế gia đình tại ấp T, xã C, huyện Mỏ Cày Nam. Đến năm 2017 thì chuyển ra tỉnh Đắk Lắk sinh

sống và làm kinh tế. Quá trình sống chung phát sinh mâu thuẫn do không phù hợp về quan điểm sống, anh Th không gánh vác công việc gia đình, không quan tâm đến vợ, thường xuyên chơi game, đánh bài. Vợ chồng không còn sống chung từ tháng 8/2019 cho đến nay. Anh Th chuyển về ấp T, xã C, huyện Mỏ Cày Nam sống cùng gia đình. Còn chị chuyển về ấp C, xã P, thành phố Bến Tre sống bên gia đình cậu. Trong thời gian này vợ chồng có hàn gắn nhưng không thành. Nay tình cảm đã không còn, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng nên quyết định ly hôn.

2. Về con chung: Võ Trần Thúy D, sinh ngày 25/01/2013, đang sống chung với anh Th, khi ly hôn chị yêu cầu để anh Th trực tiếp nuôi con, chị không cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Không có.

- Bị đơn anh Võ Chí Th có lời trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 18/01/2021: Anh có nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, có ý kiến:

1. Về hôn nhân: Anh đồng ý ly hôn với chị A. Sau khi cưới, vợ chồng sống bên anh đến năm 2016 đi đến tỉnh Đắk Lắk làm kinh tế. Đến năm 2019 thì anh trở về sinh sống tại xã C, huyện Mỏ Cày Nam. Còn chị A không chịu về cho rằng đi làm để trả nợ nhưng đi luôn từ đó cho đến nay, có về thăm con 04 – 05 lần, anh có khuyên can và hàn gắn nhưng không được nên anh đồng ý ly hôn.

2. Về con chung: Võ Trần Thúy D, sinh ngày 25/01/2013, đang sống chung với anh, khi ly hôn chị A yêu cầu để anh trực tiếp nuôi con, anh đồng ý. Anh không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Không có.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu cho rằng:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký cũng như đương sự nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin vắng.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị xem xét: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Diễm A; Con chung: Võ Trần Thúy D, sinh ngày 25/01/2013, để anh Th trực tiếp nuôi. Ghi nhận anh Th không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con; Tài sản chung: Chị A và anh Th không yêu cầu; Nợ chung của vợ chồng: Chị A và anh Th trình bày không có, không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Căn cứ vào đơn xin ly hôn của chị Trần Thị Diễm A, Hội đồng xét xử xác định vụ án có quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung*”; Trong đó xác định chị Trần Thị Diễm A là nguyên đơn, anh Võ

Chí Th là bị đơn; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét việc vắng mặt của anh Võ Chí Th có làm đơn xin vắng, có lý do, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh Th là đúng quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án:

1. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Diễm A, thấy rằng:

Chị A cho rằng do quá trình sống chung xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nay vợ chồng không thể hàn gắn được, thấy tình cảm vợ chồng không còn nên quyết định ly hôn.

Anh Th cũng đồng ý ly hôn vì cho rằng chị A không đồng ý về sống chung với anh nên vợ chồng không thể hàn gắn được.

Khi thực hiện xác minh tại chính quyền địa phương nơi anh Th đang cư trú cho biết thông tin: Hôn nhân của anh Th và chị A có tổ chức đám cưới theo phong tục, tập quán tại địa phương và có đăng ký kết hôn. Khoảng 02 năm nay anh Th và con có mặt tại địa phương và sống cùng cha mẹ nhưng không có đăng ký thường trú. Qua thông tin tại địa phương cho biết, anh Th có nhiều lần rứt chị A về nhưng chị A không chịu, anh chị có mâu thuẫn nhau về việc làm kinh tế ở tỉnh Đắk Lắk. Về nguyên nhân chính xác thì không rõ. Anh Th ở địa phương chăn nuôi gà, vịt tại nhà, kinh tế gia đình bình thường. Trong các cuộc họp tổ tại địa phương không nhận được đơn yêu cầu hòa giải nên không rõ mâu thuẫn vợ chồng.

Thấy rằng mục đích hôn nhân là để xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; trong quá trình sống chung vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị A và anh Th là có thật. Nguyên nhân bắt nguồn từ mâu thuẫn về việc làm kinh tế trong quá trình sống chung; chị A cho rằng anh Th không gánh vác được kinh tế gia đình; vợ chồng có một thời gian dài không sống chung với nhau nhưng không có hướng đoàn tụ, anh Th cho rằng có thuyết phục chị A về sống chung nhưng chị A không đồng ý. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã tạo điều kiện triệu tập để cho vợ chồng hòa giải đoàn tụ nhưng anh Th xin vắng mặt không đến Tòa nên không thể tiến hành hòa giải được. Nay anh Th cũng có ý kiến đồng ý ly hôn với chị A. Xét khả năng hàn gắn đoàn tụ là không thể, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân đã không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị A theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là có căn cứ.

2. Về con chung: Võ Trần Thúy D, sinh ngày 25/01/2013 hiện đang sống với anh Th. Cả chị A và anh Th đều thống nhất để con cho anh Th trực tiếp nuôi. Thấy rằng việc thỏa thuận này không trái quy định xã hội, con đang có cuộc sống ổn định cùng anh Th và gia đình bên nội, khi hỏi ý kiến cháu Diễm cũng có nguyện vọng sống chung với cha khi cha mẹ ly hôn. Do đó, để anh Th trực tiếp nuôi con khi ly hôn là phù hợp. Anh Th không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận. Sau khi ly hôn, cha, mẹ đều có quyền, nghĩa vụ đối với con chung chưa thành niên theo quy định tại Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Chị A và anh Th không yêu cầu, không giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Chị A và anh Th trình bày không có, không giải quyết.

[3]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận.

Án phí dân sự không có giá ngạch đối với yêu cầu xin ly hôn, chị A chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Diễm A.

Cụ thể tuyên:

1. Chị Trần Thị Diễm A được ly hôn với anh Võ Chí Th.

2. Về con chung: Võ Trần Thúy D, sinh ngày 25/01/2013, anh Võ Chí Th được trực tiếp nuôi con. Ghi nhận anh Võ Chí Th không yêu cầu chị Trần Thị Diễm A cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên; người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con khi có căn cứ theo quy định tại Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Chị Trần Thị Diễm A và anh Võ Chí Th đều không yêu cầu, không giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Chị Trần Thị Diễm A và anh Võ Chí Th trình bày không có, không giải quyết.

Các đương sự không có yêu cầu nào khác, không xem xét.

5. Về án phí dân sự không có giá ngạch: Đối với yêu cầu ly hôn: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn), chị Trần Thị Diễm A phải chịu. Được khấu trừ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001544 ngày 09 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án

trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- Cơ quan thực hiện ĐKKH;
- Dương sự;
- Lưu (Hs, Vp).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đã ký

Đỗ Thúy Hằng